

Tổng Công ty Cổ phần Đường sông Miền Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023



Tổng Công ty Cổ phần Đường sông Miền Nam

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	4 - 5
Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	11 - 45

Tổng Công ty Cổ phần Đường sông Miền Nam

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Tổng Công ty Cổ phần Đường sông Miền Nam (“Công ty”) trước đây là một doanh nghiệp Nhà nước được thành lập theo Quyết định số 2124/QĐ-TCCB-LĐ do Bộ Giao thông Vận tải cấp ngày 13 tháng 8 năm 1996 và Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh (“GCNĐKKD”) số 4106000097 do Sở Kế hoạch và Đầu tư (“SKHĐT”) Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 18 tháng 5 năm 2005.

Ngày 4 tháng 7 năm 2008, Công ty được cổ phần hóa theo Quyết định số 854/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ. Việc cổ phần hóa đã được SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh đồng thuận bằng việc cấp GCNĐKKD số 4103013615 ngày 9 tháng 6 năm 2009 và GCNĐKKD điều chỉnh lần thứ 2 ngày 26 tháng 4 năm 2012.

Ngày 26 tháng 4 năm 2012, Công ty được chuyển đổi sang Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp (“GCNĐKDN”) số 0300447173 do SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp và GCNĐKDN điều chỉnh lần thứ 4 ngày 4 tháng 1 năm 2022.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là vận tải hàng hóa bằng đường thủy nội địa; vận tải hàng hóa bằng container; đại lý vận tải; cung cấp hoạt động kho bãi (kể cả kinh doanh kho bãi ICD, cảng cạn); cung cấp dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ, đường thủy; dịch vụ bốc xếp hàng hóa, cung cấp dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải; đóng tàu và cấu kiện nổi; sửa chữa tàu thuyền; chuẩn bị mặt bằng sản xuất, bến bãi, nhà xưởng; kinh doanh bất động sản với quyền sở hữu hoặc đi thuê; cung ứng và quản lý nguồn lao động; và kinh doanh thương mại vỏ bánh xe.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số 298 Đường Huỳnh Tấn Phát, Phường Tân Thuận Tây, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty còn có 1 chi nhánh là Trung tâm Xuất khẩu Lao động tại Số 2, Ngõ 1 Lê Văn Hưu, Phường Ngô Thị Nhậm, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (“HĐQT”)

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Đặng Doãn Kiên	Chủ tịch
Ông Trần Tuấn Anh	Thành viên
Ông Đặng Vũ Thành	Thành viên

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Mai Khánh Trinh	Trưởng Ban	bổ nhiệm ngày 19 tháng 6 năm 2023
Ông Nguyễn Đăng Trường	Thành viên	bổ nhiệm ngày 19 tháng 6 năm 2023
Bà Đinh Thị Phương Vy	Thành viên	
Bà Trịnh Thị Thơm	Thành viên	miễn nhiệm ngày 1 tháng 4 năm 2023

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Đặng Vũ Thành	Tổng Giám đốc
Ông Tô Hữu Hùng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Hải Anh	Phó Tổng Giám đốc

Tổng Công ty Cổ phần Đường sông Miền Nam

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Ông Đặng Vũ Thành.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Tổng Công ty Cổ phần Đường sông Miền Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Đường sông Miền Nam ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con ("Tổng Công ty") cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho từng kỳ kế toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tổng Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Tổng Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Đặng Vũ Thành
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 18 tháng 8 năm 2023

Số tham chiếu: 11844509/66914168/LR-HN

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Quý Cổ đông của Tổng Công ty Cổ phần Đường sông Miền Nam

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Tổng Công ty Cổ phần Đường sông Miền Nam ("Công ty") và các công ty con (sau đây được gọi chung là "Tổng Công ty") được lập ngày 18 tháng 8 năm 2023 và được trình bày từ trang 6 đến trang 45, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ vào ngày 30 tháng 6 năm 2023, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.




Building a better
working world

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam




Maria Cristina M. Calimbas
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 1073-2023-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 18 tháng 8 năm 2023

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
ngày 30 tháng 6 năm 2023


VND


Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		542.706.583.619	447.151.290.282
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	280.132.611.119	233.682.154.614
111	1. Tiền		55.132.611.119	49.682.154.614
112	2. Các khoản tương đương tiền		225.000.000.000	184.000.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		69.515.540.000	74.099.718.170
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5	69.515.540.000	74.099.718.170
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn	6	174.640.025.883	132.708.918.310
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng		118.990.929.092	95.884.723.797
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		26.583.781.505	42.866.430.217
136	3. Phải thu ngắn hạn khác		46.480.612.728	11.288.918.852
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(17.415.297.442)	(17.331.154.556)
140	IV. Hàng tồn kho		16.872.221.189	5.046.926.904
141	1. Hàng tồn kho	7	16.872.221.189	5.046.926.904
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		1.546.185.428	1.613.572.284
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		826.741.334	787.826.108
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ	16	608.141	825.746.176
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	16	718.835.953	-
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		1.269.507.089.323	1.289.184.145.188
210	I. Phải thu dài hạn		7.026.450.000	7.026.450.000
216	1. Phải thu dài hạn khác	8	7.026.450.000	7.026.450.000
220	II. Tài sản cố định		679.096.020.024	564.166.324.410
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	669.081.827.106	558.441.483.577
222	Nguyên giá		1.052.365.517.406	906.812.890.064
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(383.283.690.300)	(348.371.406.487)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	10.014.192.918	5.724.840.833
228	Nguyên giá		10.761.545.000	6.172.545.000
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(747.352.082)	(447.704.167)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		94.436.315.487	203.539.729.929
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	12	94.436.315.487	203.539.729.929
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn	13	484.023.682.240	509.201.843.424
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		483.210.557.601	508.388.718.785
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		813.124.639	813.124.639
260	V. Tài sản dài hạn khác		4.924.621.572	5.249.797.425
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	9	4.177.825.866	5.249.797.425
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	27.3	746.795.706	-
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.812.213.672.942	1.736.335.435.470

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2023

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		266.920.444.244	264.494.203.472
310	I. Nợ ngắn hạn		167.965.828.026	152.855.486.664
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	58.284.664.838	52.519.737.352
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	15	4.649.345.346	674.482.735
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	14.347.948.535	6.688.197.379
314	4. Phải trả người lao động		11.719.919.254	15.280.859.624
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	17	1.780.613.009	1.760.391.102
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		350.000.000	950.000.000
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	18	39.853.067.072	39.559.785.682
320	8. Vay ngắn hạn	20	12.899.216.958	14.159.516.958
321	9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	19	17.514.365.360	16.025.412.632
322	10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		6.566.687.654	5.237.103.200
330	II. Nợ dài hạn		98.954.616.218	111.638.716.808
337	1. Phải trả dài hạn khác	18	16.747.595.000	18.345.645.000
338	2. Vay dài hạn	20	78.769.473.781	89.892.328.720
341	3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	27.3	69.502.312	32.697.963
342	4. Dự phòng phải trả dài hạn	3.11	3.368.045.125	3.368.045.125
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		1.545.293.228.698	1.471.841.231.998
410	I. Vốn chủ sở hữu		1.545.293.228.698	1.471.841.231.998
411	1. Vốn cổ phần	21.1	671.000.000.000	671.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		671.000.000.000	671.000.000.000
414	2. Vốn khác của chủ sở hữu	21.1	530.450.206	530.450.206
418	3. Quỹ đầu tư phát triển	21.1	18.113.801.578	18.113.801.578
420	4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	21.1	49.565.919.026	49.565.919.026
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	21.1	802.898.183.469	726.312.453.050
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		722.390.592.458	515.734.389.994
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		80.507.591.011	210.578.063.056
429	6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	21.6	3.184.874.419	6.318.608.138
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.812.213.672.942	1.736.335.435.470


Phạm Quang Minh
Người lập


Trịnh Văn Quý
Kế toán trưởng


Đặng Vũ Thành
Tổng Giám đốc



Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 18 tháng 8 năm 2023

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
10	1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	22.1	384.355.619.014	392.101.208.925
11	2. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	23	(304.725.780.317)	(286.370.684.777)
20	3. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		79.629.838.697	105.730.524.148
21	4. Doanh thu hoạt động tài chính	22.2	64.055.748.044	70.072.668.128
22	5. Chi phí tài chính	24	(4.268.794.882)	(4.809.413.475)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(4.034.559.547)	(3.665.602.855)
24	6. Phần lỗ trong công ty liên kết	13.1	(25.178.161.184)	(34.980.241.746)
26	7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	(9.338.705.848)	(10.889.652.409)
30	8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		104.899.924.827	125.123.884.646
31	9. Thu nhập khác		95.700.978	906.836.201
32	10. Chi phí khác		(1.139.050)	(145.537.245)
40	11. Lợi nhuận khác		94.561.928	761.298.956
50	12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		104.994.486.755	125.885.183.602
51	13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	27.1	(15.312.054.154)	(19.061.161.274)
52	14. Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	27.3	709.991.357	58.416.745
60	15. Lợi nhuận sau thuế TNDN		90.392.423.958	106.882.439.073
61	16. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ		90.252.397.666	106.826.987.917
62	17. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	21.6	140.026.292	55.451.156
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	21.4	1.345	1.575
71	19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	21.4	1.345	1.575


Phạm Quang Minh
Người lập


Trịnh Văn Quý
Kế toán trưởng



Đặng Vũ Thánh
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 18 tháng 8 năm 2023

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
01	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		104.994.486.755	125.885.183.602
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn	10, 11	35.211.931.728	31.099.040.132
03	Dự phòng		84.142.886	180.915.773
04	Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		176.931.608	1.084.216.791
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(38.877.586.860)	(35.865.217.255)
06	Chi phí lãi vay	24	4.034.559.547	3.665.602.855
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		105.624.465.664	126.049.741.898
09	Giảm (tăng) các khoản phải thu		2.556.615.723	(63.445.075.098)
10	Tăng hàng tồn kho		(11.825.294.285)	(9.208.186.360)
11	(Giảm) tăng các khoản phải trả		(5.597.841.006)	40.101.535.352
12	Giảm chi phí trả trước		1.033.056.333	396.105.306
14	Tiền lãi vay đã trả		(3.434.559.547)	(3.665.602.855)
15	Thuế TNDN đã nộp	16	(10.786.138.965)	(15.603.574.887)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(902.858.299)	(2.700.348.407)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		76.667.445.618	71.924.594.949
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm và xây dựng tài sản cố định		(34.029.204.955)	(79.731.990.820)
22	Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định		-	772.727.273
23	Tiền chi gửi ngân hàng có kỳ hạn và cho vay		(4.604.000.000)	(4.172.936.597)
24	Tiền thu hồi khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và cho vay		9.188.178.170	6.222.717.575
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(12.728.800.000)	-
27	Tiền thu lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia		24.518.183.944	40.946.861.961
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(17.655.642.841)	(35.962.620.608)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
34	Tiền chi trả nợ gốc vay	20	(12.419.391.672)	(14.165.870.140)
36	Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu		(1.259.725)	(275.116.400)
40	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) hoạt động tài chính		(12.420.651.397)	(14.440.986.540)
50	Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong kỳ		46.591.151.380	21.520.987.801
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		233.682.154.614	189.269.336.483
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(140.694.875)	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	4	280.132.611.119	210.790.324.284


Phạm Quang Minh
Người lập


Trịnh Văn Quý
Kế toán trưởng


Đặng Vũ Thành
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 18 tháng 8 năm 2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Tổng Công ty bao gồm Tổng Công ty Cổ phần Đường sông Miền Nam, các công ty con và các công ty liên doanh, liên kết như sau:

Công ty

Tổng Công ty Cổ phần Đường sông Miền Nam (“Công ty”) trước đây là một doanh nghiệp Nhà nước được thành lập theo Quyết định số 2124/QĐ-TCCB-LĐ do Bộ Giao thông Vận tải cấp ngày 13 tháng 8 năm 1996 và Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh (“GCNĐKKD”) số 4106000097 do Sở Kế hoạch và Đầu tư (“SKHĐT”) Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 18 tháng 5 năm 2005.

Ngày 4 tháng 7 năm 2008, Công ty được cổ phần hóa theo Quyết định số 854/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ. Việc cổ phần hóa đã được SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh đồng thuận bằng việc cấp GCNĐKKD số 4103013615 ngày 9 tháng 6 năm 2009 và GCNĐKKD điều chỉnh lần thứ 2 ngày 26 tháng 4 năm 2012.

Ngày 26 tháng 4 năm 2012, Công ty được chuyển đổi sang Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp (“GCNĐKDN”) số 0300447173 do SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp và GCNĐKDN điều chỉnh lần thứ 4 ngày 4 tháng 1 năm 2022.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là vận tải hàng hóa bằng đường thủy nội địa; vận tải hàng hóa bằng container; đại lý vận tải; cung cấp hoạt động kho bãi (kể cả kinh doanh kho bãi ICD, cảng cạn); cung cấp dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ, đường thủy; dịch vụ bốc xếp hàng hóa, cung cấp dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải; đóng tàu và cấu kiện nổi; sửa chữa tàu thuyền; chuẩn bị mặt bằng sản xuất, bến bãi, nhà xưởng; kinh doanh bất động sản với quyền sở hữu hoặc đi thuê; cung ứng và quản lý nguồn lao động; và kinh doanh thương mại vỏ bánh xe.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại số 298 Đường Huỳnh Tấn Phát, Phường Tân Thuận Tây, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty còn có 1 chi nhánh là Trung tâm Xuất khẩu Lao động tại số 2, Ngõ 1 Lê Văn Hưu, Phường Ngô Thị Nhậm, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội, Việt Nam.

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2023, Công ty có ba (3) công ty con và bốn (4) công ty liên doanh và liên kết với chi tiết như sau:

Công ty	Địa điểm	Ngành nghề kinh doanh	Tỷ lệ sở hữu %	Quyền biểu quyết %
Công ty con				
Công ty Cổ phần Xây lắp Công trình (“ECCO”) (*)	Hồ Chí Minh	Xây dựng các công trình dân dụng, cho thuê nhà	96,18	96,18
Công ty Cổ phần Đóng mới và Sửa chữa Phương tiện thủy Cần Thơ (“Đóng tàu Cần Thơ”)	Cần Thơ	Cung cấp các dịch vụ đóng tàu và các cấu kiện nổi	70,00	70,00
Công ty Cổ phần Dịch vụ Xây dựng và Cơ khí Đường thủy Miền Nam (“SOWATMES”)	Hồ Chí Minh	Xây dựng các công trình dân dụng	51,00	51,00

(*) Trong kỳ, Tổng Công ty đã mua thêm 159.110 cổ phiếu phổ thông của ECCO với trị giá 3.273.760.011 VND, tương đương 10,3% vốn cổ phần của ECCO, với tổng giá mua thêm bằng tiền là 12.728.800.000 VND. Theo đó, Công ty đã nâng tỷ lệ sở hữu tại ECCO từ 86,15% đến 96,18%.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN CÔNG TY (tiếp theo)

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2023, Công ty có ba (3) công ty con và bốn (4) công ty liên doanh và liên kết với chi tiết như sau: (tiếp theo)

Công ty	Địa điểm	Ngành nghề kinh doanh	Tỷ lệ sở hữu %	Quyền biểu quyết %
Công ty liên doanh và liên kết				
Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai ("PDN")	Đồng Nai	Kinh doanh dịch vụ cảng	20,25	20,25
Công ty Liên doanh Phát triển Tiệp vận Số 1 ("VICT")	Hồ Chí Minh	Xây dựng và kinh doanh khu cảng container, kinh doanh dịch vụ giao nhận hàng hóa và vận chuyển container bằng đường bộ cho các khách hàng sử dụng dịch vụ cảng container	37,00	37,00
Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình và Thương mại 747 ("SOWATCO-ECO 747")	Nghệ An	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ	49,00	49,00
Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Đường thủy Miền Nam ("SOWATCOSER")	Hồ Chí Minh	Cung cấp các hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải	26,27	26,27

Số lượng nhân viên của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 là 474 (ngày 31 tháng 12 năm 2022: 488).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính giữa niên độ và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Tổng Công ty là Nhật ký chung.

2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Tổng Công ty là VND.

2.5 Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty bao gồm các báo cáo tài chính giữa niên độ của Tổng Công ty và các công ty con cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023.

Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Tổng Công ty thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Tổng Công ty thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty con đã được lập cùng kỳ báo cáo với Tổng Công ty theo các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ giữa các đơn vị trong cùng Tổng Công ty, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch giữa các đơn vị trong cùng Tổng Công ty được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tổng Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

Ảnh hưởng của thay đổi trong tỷ lệ sở hữu của công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Tổng Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định là chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.2 Hàng tồn kho (tiếp theo)

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa và các hàng tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Tổng Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ. Khi hàng tồn kho bị hủy bỏ do hết hạn sử dụng, mất phẩm chất, hư hỏng, không còn giá trị sử dụng, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập và giá gốc hàng tồn kho được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi cần trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

3.4 Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm và nâng cấp tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận như tài sản cố định vô hình, thể hiện giá trị của quyền sử dụng đất đã được Tổng Công ty mua. Thời gian hữu dụng của quyền sử dụng đất được đánh giá là không có thời hạn hoặc có thời hạn. Theo đó, quyền sử dụng đất có thời hạn thể hiện giá trị tiền thuê đất, được trích hao mòn theo thời gian thuê, còn quyền sử dụng đất không có thời hạn thì không được trích hao mòn.

3.5 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 50 năm
Máy móc và thiết bị	4 - 10 năm
Phương tiện vận tải	6 - 15 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 7 năm
Phần mềm	8 năm

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.6 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang xây dựng và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chỉ được tính khấu hao khi các tài sản này hoàn thành và đưa vào sử dụng.

3.7 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Tổng Công ty và được hạch toán như chi phí trong kỳ khi phát sinh, ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

3.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

3.9 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Tổng Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.10 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào các công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là các công ty mà trong đó Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tổng Công ty. Thông thường, Tổng Công ty được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu ít nhất 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Tổng Công ty trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua.

Phần sở hữu của Tổng Công ty trong lợi nhuận (lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và phần sở hữu của Tổng Công ty trong thay đổi sau khi mua của các quỹ của công ty liên kết được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức nhận được từ công ty liên kết được cán trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty liên kết được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Tổng Công ty. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Tổng Công ty trong trường hợp cần thiết.

Đầu tư vào công ty liên doanh

Khoản đầu tư của Tổng Công ty vào cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo phương pháp này, khoản đầu tư của Tổng Công ty vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Tổng Công ty trong tài sản thuần của cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát sau khi liên doanh. Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất giữa niên độ phản ánh phần sở hữu của Tổng Công ty trong kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ của cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát sau khi liên doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.10 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Đầu tư vào liên doanh (tiếp theo)

Phần sở hữu của Tổng Công ty trong lợi nhuận (lỗ) của cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát được phản ánh trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và phần sở hữu của Tổng Công ty trong thay đổi sau khi liên doanh của các quỹ của cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát được ghi nhận vào quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi liên doanh được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát. Cổ tức nhận được từ cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát được căn trừ vào giá trị khoản đầu tư vào cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Tổng Công ty. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Tổng Công ty trong trường hợp cần thiết.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng hoặc giảm số dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

3.11 Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho người lao động đã làm việc thường xuyên từ đủ 12 tháng trở lên tại Tổng Công ty. Mức trích lập được tính bằng một nửa tháng lương cho mỗi năm làm việc đủ điều kiện hưởng trợ cấp thôi việc theo Luật lao động và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng dùng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hoặc giảm trong khoản trích trước này ngoại trừ phần thanh toán thực tế cho người lao động sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 46 của Bộ luật Lao động.

3.12 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ trong kế toán của Tổng Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty dự kiến giao dịch.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.12 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

3.13 Phân chia lợi nhuận thuần

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Tổng Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Tổng Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau đây từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Tổng Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Tổng Công ty.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

Cổ tức

Cổ tức phải trả được đề nghị bởi Hội đồng Quản trị của Tổng Công ty và được phân loại như một sự phân phối của lợi nhuận chưa phân phối trong khoản mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ cho đến khi được các cổ đông thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên. Khi đó, cổ tức sẽ được ghi nhận như một khoản nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

3.14 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

3.15 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Tổng Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy và được xác nhận bởi khách hàng, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán được khách hàng xác nhận. Các khoản tăng giảm khi thực hiện hợp đồng, các khoản tiền thưởng và các khoản thanh toán khác chỉ được tính vào doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn. Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận là chi phí trong năm khi các chi phí này đã phát sinh.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu được ghi nhận khi hoàn thành việc cung cấp dịch vụ.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Tiền cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Cổ tức

Thu nhập cổ tức được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Tổng Công ty được xác lập.

3.16 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tổng Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Tổng Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tổng Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế.

3.17 Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tổng Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty chủ yếu được tạo ra từ hoạt động cung cấp dịch vụ kho vận, giao nhận vận tải; cơ khí đóng tàu; xây dựng; xuất khẩu lao động; kinh doanh thương mại; và hoạt động đầu tư tài chính trong một khu vực địa lý là Việt Nam.

3.18 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Tổng Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tổng Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình mật thiết trong gia đình của họ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Tiền mặt	5.976.550.822	7.546.026.451
Tiền gửi ngân hàng	49.156.060.297	42.136.128.163
Các khoản tương đương tiền (*)	225.000.000.000	184.000.000.000
TỔNG CỘNG	280.132.611.119	233.682.154.614

(*) Các khoản tương đương tiền thể hiện khoản tiền gửi bằng VND tại các ngân hàng thương mại với kỳ hạn gốc không quá ba (3) tháng và hưởng tiền lãi theo lãi suất dao động từ 4% đến 5%/năm.

5. ĐẦU TƯ NẮM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

Đây là các khoản tiền gửi ngân hàng bằng VND có thời hạn còn lại không quá mười hai (12) tháng và hưởng lãi suất dao động từ 4,6%/năm đến 5,7%/năm. Trong đó, Tổng Công ty đã sử dụng khoản tiền gửi tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh với số tiền là 50.000.000.000 VND làm tài sản thế chấp cho các khoản vay dài hạn từ ngân hàng của Tổng Công ty (Thuyết minh – “TM” số 20).

6. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN

6.1 Chi tiết các khoản phải thu ngắn hạn

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	118.990.929.092	95.884.723.797
<i>Trong đó:</i>		
Các bên liên quan (TM số 28)	48.265.249.471	35.360.742.542
Công ty TNHH Cảng Quốc tế Tân Cảng -		
Cái Mép	21.876.838.210	15.417.487.945
MSC Mediterranean Shipping Company S.A.	10.652.318.279	10.085.475.711
Khách hàng khác	38.196.523.132	35.021.017.599
Trả trước cho người bán ngắn hạn	26.583.781.505	42.866.430.217
<i>Trong đó:</i>		
Công ty TNHH TM DV Kỹ thuật Duy Tường	4.928.000.000	-
Công ty TNHH Cummins DKSH Việt Nam	-	4.506.331.320
Người bán khác	21.655.781.505	38.360.098.897
Phải thu ngắn hạn khác	46.480.612.728	11.288.918.852
<i>Trong đó:</i>		
Phải thu về tiền lương, bảo hiểm xã hội của		
thuyền viên từ các đại lý	2.785.466.238	3.597.772.536
Phải thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	3.004.189.082	2.289.024.982
Phải thu ngắn hạn khác	1.868.557.408	5.402.121.334
Phải thu các bên liên quan (TM số 28)	38.822.400.000	-
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(17.415.297.442)	(17.331.154.556)
GIÁ TRỊ THUẦN	174.640.025.883	132.708.918.310

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

6. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN (tiếp theo)

6.2 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>
Vào ngày 31 tháng 12	17.331.154.556	17.093.902.717
Dự phòng trích lập trong kỳ	284.142.886	237.251.839
Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	(200.000.000)	-
Vào ngày 30 tháng 6	<u>17.415.297.442</u>	<u>17.331.154.556</u>

6.3 Nợ xấu

	VND			
	<u>Ngày 30 tháng 6 năm 2023</u>		<u>Ngày 31 tháng 12 năm 2022</u>	
	<i>Giá gốc</i>	<i>Giá trị có thể thu hồi</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Giá trị có thể thu hồi</i>
Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình và Thương mại 747	6.463.918.325	-	6.463.918.325	-
Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại Hữu Lễ	3.027.910.886	-	3.027.910.886	-
Công ty TNHH Xi măng Sơn Hồng	1.000.000.000	-	1.000.000.000	-
Khác	7.279.345.990	355.877.759	7.195.203.104	355.877.759
TỔNG CỘNG	<u>17.771.175.201</u>	<u>355.877.759</u>	<u>17.687.032.315</u>	<u>355.877.759</u>

7. HÀNG TỒN KHO

	VND	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022</i>
Nguyên liệu, vật liệu xây dựng	15.837.209.911	4.011.915.626
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	681.673.121	681.673.121
Công cụ, dụng cụ	342.645.518	342.645.518
Nguyên liệu, vật liệu	10.692.639	10.692.639
TỔNG CỘNG	<u>16.872.221.189</u>	<u>5.046.926.904</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

8. PHẢI THU DÀI HẠN KHÁC

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Đặt cọc thuê cảng (*)	7.000.000.000	7.000.000.000
Khác	<u>26.450.000</u>	<u>26.450.000</u>
TỔNG CỘNG	<u>7.026.450.000</u>	<u>7.026.450.000</u>

(*) Đây là khoản đặt cọc cho Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam, chủ sở hữu của công ty mẹ, để thuê khu cảng ICD Sotrans tại Phường Trường Thọ, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh từ ngày 1 tháng 1 năm 2021 cho đến khi có thỏa thuận khác (TM số 28).

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Thiết bị, phụ tùng, công cụ dụng cụ	3.672.251.116	4.398.886.675
Chi phí tư vấn tái cấu trúc doanh nghiệp liên quan đến khoản vay (TM số 20)	<u>505.574.750</u>	<u>850.910.750</u>
TỔNG CỘNG	<u>4.177.825.866</u>	<u>5.249.797.425</u>

Tổng Công ty Cổ phần Đường sông Miền Nam

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Phương tiện vận tải	Máy móc và thiết bị	Thiết bị văn phòng	VND
Nguyên giá:					
Vào Ngày 31 tháng 12 năm 2022	377.231.048.095	353.481.220.612	175.521.678.463	578.942.894	906.812.890.064
Mua trong kỳ	-	-	570.000.000	-	570.000.000
Đầu tư XDCB hoàn thành	144.982.627.342	-	-	-	144.982.627.342
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2023	522.213.675.437	353.481.220.612	176.091.678.463	578.942.894	1.052.365.517.406
Trong đó:					
Đã khấu hao hết	21.115.340.650	38.588.084.788	8.432.796.895	578.942.894	68.715.165.227
Giá trị khấu hao lũy kế:					
Vào Ngày 31 tháng 12 năm 2022	143.987.354.470	144.863.910.126	58.941.198.997	578.942.894	348.371.406.487
Khấu hao trong kỳ	10.683.519.900	14.964.058.278	9.264.705.635	-	34.912.283.813
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2023	154.670.874.370	159.827.968.404	68.205.904.632	578.942.894	383.283.690.300
Giá trị còn lại:					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022	233.243.693.625	208.617.310.486	116.580.479.466	-	558.441.483.577
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2023	367.542.801.067	193.653.252.208	107.885.773.831	-	669.081.827.106

Tổng Công ty đã sử dụng các phương tiện vận tải với tổng giá trị còn lại vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 là 104.005.988.718 VND làm tài sản thế chấp cho các khoản vay dài hạn từ ngân hàng (TM số 20).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	VND		
	<i>Quyền sử dụng đất (*)</i>	<i>Phần mềm</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá:			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022	5.202.345.000	970.200.000	6.172.545.000
Mua trong kỳ	-	4.589.000.000	4.589.000.000
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2023	<u>5.202.345.000</u>	<u>5.559.200.000</u>	<u>10.761.545.000</u>
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022	-	447.704.167	447.704.167
Hao mòn trong kỳ	-	299.647.915	299.647.915
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2023	-	<u>747.352.082</u>	<u>747.352.082</u>
Giá trị còn lại:			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022	<u>5.202.345.000</u>	<u>522.495.833</u>	<u>5.724.840.833</u>
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2023	<u>5.202.345.000</u>	<u>4.811.847.918</u>	<u>10.014.192.918</u>

(*) Vào ngày 30 tháng 6 năm 2023, Tổng Công ty có quyền sử dụng đất tại các địa điểm sau:

- Quyền sử dụng đất tại số 1461 Nguyễn Văn Linh, Phường Tân Phong, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh theo hợp đồng mua bán nhà ở giữa Công ty với Công ty TNHH Liên doanh Phú Mỹ Hưng ("PMH") ngày 20 tháng 6 năm 2009 với nguyên giá ghi nhận là 2.535.120.000 VND. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Tổng Công ty đang trong quá trình hoàn thành việc chuyển quyền sử dụng đất từ PMH sang Tổng Công ty.
- Quyền sử dụng đất của Tổng Công ty tại số 298 Huỳnh Tấn Phát, Phường Tân Thuận Tây, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh theo hợp đồng mua bán nhà ngày 7 tháng 7 năm 1999 với nguyên giá ghi nhận là 2.667.225.000 VND.

Ngày 21 tháng 7 năm 2011, Tổng Công ty nhận được Quyết định số 3573/QĐ-UBND từ Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc chấp thuận cho Tổng Công ty được sử dụng khu đất này dưới hình thức giao đất có thu tiền sử dụng đất để tiếp tục sử dụng làm văn phòng và ủy quyền cho Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh xác định tiền sử dụng đất mà Công ty phải nộp.

Ngày 24 tháng 12 năm 2014, Tổng Công ty nhận được tờ trình số 572/TTr-TVC-HĐTĐGTP từ Tổ chuyên viên trình Hội đồng Thẩm định giá Thành phố Hồ Chí Minh xem xét và phê duyệt, theo đó chi phí sử dụng đất được ước tính là 11.185.314.538 VND.

Từ ngày 24 tháng 12 năm 2014 đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Tổng Công ty không nhận thêm bất kỳ văn bản nào khác từ các cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc chi phí sử dụng đất phải nộp và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do đó, Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng hiện nay chưa có kết luận cuối cùng về vấn đề này, và do đó Tổng Công ty đã không ghi nhận khoản nợ phải trả với số tiền nêu trên trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Chi phí đầu tư hạ tầng cảng Long Bình	44.360.022.155	160.355.237.773
Chi phí đóng mới 2 tàu 301 TEUs	49.535.441.432	42.743.640.256
Phần mềm eBMS	370.000.000	-
Chi phí đóng mới và hoán cải tàu	82.000.000	82.000.000
Khác	88.851.900	358.851.900
TỔNG CỘNG	<u>94.436.315.487</u>	<u>203.539.729.929</u>

13. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết	483.210.557.601	508.388.718.785
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	813.124.639	813.124.639
TỔNG CỘNG	<u>484.023.682.240</u>	<u>509.201.843.424</u>

Tổng Công ty Cổ phần Đường sông Miền Nam

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

13. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

13.1 Đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết

Chi tiết khoản đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 được hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu như sau:

	Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai	Công ty Liên doanh Phát triển Tiếp vận Số 1	Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình và Thương mại 747	Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Đường thủy Miền Nam	Tổng cộng
Giá trị đầu tư					VND
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 30 tháng 6 năm 2023	293.737.601.250	155.730.813.876	3.561.349.400	3.039.240.000	456.069.004.526
Phần lũy kế lợi nhuận (lỗ) sau khi liên doanh/mua các công ty liên doanh, liên kết					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022	68.339.673.767	(12.359.677.676)	(3.561.349.400)	(98.932.432)	52.319.714.259
Cổ tức nhận được trong kỳ	(11.250.000.000)	(45.954.000.000)	-	-	(57.204.000.000)
Phần lãi trong công ty liên kết trong kỳ	27.135.436.215	4.890.402.601	-	-	32.025.838.816
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2023	84.225.109.982	(53.423.275.075)	(3.561.349.400)	(98.932.432)	27.141.553.075
Giá trị còn lại					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022	362.077.275.017	143.371.136.200	-	2.940.307.568	508.388.718.785
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2023	377.962.711.232	102.307.538.801	-	2.940.307.568	483.210.557.601

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Phải trả bên thứ ba	39.221.033.599	42.892.674.066
<i>Công ty TNHH Dịch Vụ Phước An</i>	6.599.510.610	
<i>Công ty Cổ phần Phụ kiện và Nhà Thép Nhất</i>	5.553.872.197	-
<i>Công ty TNHH Quảng cáo Tiếp thị Ban Mai</i>	5.029.058.008	5.987.694.777
<i>Người bán khác</i>	22.038.592.784	36.904.979.289
Phải trả bên liên quan (TM số 28)	19.063.631.239	9.627.063.286
TỔNG CỘNG	58.284.664.838	52.519.737.352

15. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Bên liên quan (TM số 28)	4.380.250.964	-
Người mua khác	269.094.382	674.482.735
TỔNG CỘNG	4.649.345.346	674.482.735

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

				VND
	Ngày 31 tháng 12 năm 2022	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Ngày 30 tháng 6 năm 2023
Phải nộp				
Thuế thu nhập doanh nghiệp ("Thuế TNDN")	5.376.924.051	15.312.054.154	(10.786.138.965)	9.902.839.240
Thuế giá trị gia tăng	742.563.870	11.614.571.732	(8.964.024.638)	3.393.110.964
Thuế thu nhập cá nhân	568.709.458	1.050.703.010	(1.044.466.845)	574.945.623
Khác	-	4.439.532.708	(3.962.480.000)	477.052.708
TỔNG CỘNG	6.688.197.379	32.416.861.604	(24.757.110.448)	14.347.948.535
Phải Thu				
Thuế giá trị gia tăng	825.746.176	5.895.123.182	(6.720.261.217)	608.141
Thuế đất	-	718.835.953	-	718.835.953
TỔNG CỘNG	825.746.176	6.613.959.135	(6.720.261.217)	719.444.094

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Chi phí nâng cấp cảng Long Bình và sửa chữa máy móc	1.180.613.009	1.752.534.493
Chi phí lãi vay	600.000.000	-
Khác	-	7.856.609
TỔNG CỘNG	<u>1.780.613.009</u>	<u>1.760.391.102</u>

18. PHẢI TRẢ KHÁC

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Ngắn hạn		
Phải trả cho thuyền viên	5.086.107.339	6.146.258.518
Doanh thu chưa thực hiện	3.925.157.595	5.026.979.246
Phải trả hãng tàu	3.211.991.813	3.211.991.813
Nhận ký quỹ	1.284.405.000	1.435.180.000
Bảo hiểm thuyền viên	1.112.339.756	1.112.339.756
Các khoản phải trả, phải nộp khác	25.233.065.569	22.627.036.349
	<u>39.853.067.072</u>	<u>39.559.785.682</u>
Dài hạn		
Nhận đặt cọc cho hợp đồng hợp tác kinh doanh (*)	10.000.000.000	10.000.000.000
Nhận ký quỹ từ thuyền viên	5.536.595.000	7.134.645.000
Nhận ký quỹ thuê nhà và thuê sân bãi	861.000.000	861.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	350.000.000	350.000.000
	<u>16.747.595.000</u>	<u>18.345.645.000</u>
TỔNG CỘNG	<u>56.600.662.072</u>	<u>57.905.430.682</u>

(*) Đây là khoản nhận đặt cọc từ Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị Điện Việt Nam ("GELEX") theo Hợp đồng Hợp tác Kinh doanh ("HTKD") ngày 10 tháng 9 năm 2020 với GELEX để cùng phối hợp triển khai mọi công việc, thủ tục có liên quan cũng như duy trì quyền và lợi ích đối với Quyền Tài sản tại khu đất 02B, Đường 13, Phường Long Bình, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Theo hợp đồng HTKD, Tổng Công ty phải trả tiền lãi trị giá 1 tỷ VND/năm kể từ ngày nhận được đầy đủ khoản đặt cọc trong năm 2020 cho đến khi Tổng Công ty bàn giao khu đất để thực hiện các công việc theo hợp đồng HTKD.

19. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Dự phòng chi phí bảo hành công trình xây dựng	17.514.365.360	16.025.412.632

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

20. VAY

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Ngắn hạn		
Vay dài hạn đến hạn trả	12.899.216.958	14.159.516.958
Dài hạn		
Vay dài hạn ngân hàng	<u>78.769.473.781</u>	<u>89.892.328.720</u>
TỔNG CỘNG	<u>91.668.690.739</u>	<u>104.051.845.678</u>

Tình hình tăng (giảm) các khoản vay như sau:

	VND		
	Vay ngắn hạn	Vay dài hạn	Tổng cộng
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022	14.159.516.958	89.892.328.720	104.051.845.678
Phân loại lại	5.172.659.672	(5.172.659.672)	-
Tiền chi trả nợ gốc vay	(6.432.959.672)	(5.986.432.000)	(12.419.391.672)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	<u>-</u>	<u>36.236.733</u>	<u>36.236.733</u>
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2023	<u>12.899.216.958</u>	<u>78.769.473.781</u>	<u>91.668.690.739</u>

Tổng Công ty Cổ phần Đường sông Miền Nam

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

20. VAY (tiếp theo)

Tổng Công ty có các khoản vay dài hạn theo các Hiệp định tài trợ khung (Hiệp định vay số 2613-VIE và số 2614-VIE ngày 8 tháng 10 năm 2010) giữa Chính phủ Việt Nam và Ngân hàng Phát triển Châu Á ("ADB") nhằm mục đích hỗ trợ tài chính cho Chương trình Cải cách Doanh nghiệp Nhà nước và Hỗ trợ quản trị công ty. Tổng Công ty cũng có các khoản vay dài hạn từ ngân hàng khác để tài trợ cho các dự án của Tổng Công ty.

Chi tiết các khoản vay ngân hàng dài hạn được trình bày như sau:

Ngân hàng	Mục đích vay	Ngày 30 tháng 6 năm 2023		Điều khoản thanh toán	Lãi suất	Hình thức đảm bảo
		VND	Nguyên tệ USD			
Ngân hàng Phát triển Việt Nam – Sờ Giao dịch II						
Hiệp định vay các Nghiệp vụ Thông thường ("Khoản vay OCR")	Tài trợ cho các dự án tái cấu trúc tài chính và tái cấu trúc doanh nghiệp của Công ty	44.079.929.224	1.855.996	Nợ gốc và lãi trả hai kỳ mỗi năm vào các ngày 15 tháng 5 và 15 tháng 11, nợ gốc bắt đầu từ năm 2015 đến năm 2034	Lãi suất LIBOR cộng với chênh lệch tại từng thời điểm do ADB thông báo (1,50%)	Phương tiện vận tải với giá trị còn lại vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 là 5.427.999.737 VND (TM số 10), và tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn trị giá 50.000.000.000 VND (TM số 5)
Hiệp định vay các Nghiệp vụ Đặc biệt ("Khoản vay ADF")	Tài trợ cho các dự án củng cố và tái cấu trúc hoạt động của Công ty	5.362.142.950	225.774	Nợ gốc và lãi trả hai kỳ mỗi năm vào các ngày 15 tháng 5 và 15 tháng 11, nợ gốc bắt đầu từ năm 2018 đến năm 2041	Lãi suất 1%/năm (trong thời gian ân hạn) và 1,5%/năm trong các năm sau đó (1,00%)	

Tổng Công ty Cổ phần Đường sông Miền Nam

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

20. VAY (tiếp theo)

Chi tiết các khoản vay ngân hàng dài hạn được trình bày như sau: (tiếp theo)

Ngân hàng	Mục đích vay	Ngày 30 tháng 6 năm 2023		Điều khoản thanh toán	Lãi suất	Hình thức đảm bảo
		VND	Nguyên tệ USD			
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Hồ Chí Minh						
Khoản vay 1 - VND	Tài trợ cho Dự án đầu tư 2 tàu hàng 250TEUs	13.158.931.794	-	Nợ gốc được trả ba tháng/lần vào ngày trùng với ngày thanh toán lãi tương ứng, bắt đầu từ năm 2019 đến năm 2025. Lãi vay được trả vào ngày 25 hàng tháng	Lãi suất 9%/năm trong 2 năm kể từ ngày 31 tháng 1 năm 2020. Từ năm thứ 3 đến hết năm thứ 7, lãi suất bằng 3%/năm cộng với lãi suất cơ sở. Từ năm thứ 8 trở đi, lãi suất bằng 3,5%/năm cộng với lãi suất cơ sở.	Phương tiện vận tải với giá trị còn lại vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 là 34.270.000.034 VND (TM số 10)
Khoản vay 2 - VND	Tài trợ cho Dự án đầu tư máy móc thiết bị phục vụ Cảng Long Bình	29.067.686.771	-	Nợ gốc trả vào ngày 31 tháng 1 năm 2030. Lãi vay được trả vào ngày 25 hàng tháng	Lãi suất 9%/năm trong 2 năm kể từ ngày giải ngân tài với giá trị còn lại vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 là 64.307.988.947 VND (TM số 10)	Phương tiện vận tải với giá trị còn lại vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 là 64.307.988.947 VND (TM số 10)

TỔNG CỘNG

	91.668.690.739	2.081.770
Trong đó		
Vay dài hạn	78.769.473.781	1.982.597
Vay dài hạn đến hạn trả	12.899.216.958	99.173

Tổng Công ty Cổ phần Đường sông Miền Nam

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU

21.1 *Tình hình thay đổi nguồn vốn chủ sở hữu*

	Vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	VND
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022						
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2021	671.000.000.000	530.450.206	18.113.801.578	49.565.919.026	521.870.346.774	1.261.080.517.584
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	106.826.987.917	106.826.987.917
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(4.290.290.273)	(4.290.290.273)
Thù lao và thưởng Hội đồng Quản trị	-	-	-	-	(2.134.166.507)	(2.134.166.507)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2022	671.000.000.000	530.450.206	18.113.801.578	49.565.919.026	622.272.877.911	1.361.483.048.721
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023						
Vào Ngày 31 tháng 12 năm 2022	671.000.000.000	530.450.206	18.113.801.578	49.565.919.026	726.312.453.050	1.465.522.623.860
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	90.252.397.666	90.252.397.666
Mua thêm lợi ích từ cổ đông không kiểm soát	-	-	-	-	(9.455.039.989)	(9.455.039.989)
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(2.232.442.754)	(2.232.442.754)
Khen thưởng Hội đồng Quản trị	-	-	-	-	(1.689.417.838)	(1.689.417.838)
Thù lao Hội đồng Quản trị	-	-	-	-	(289.766.666)	(289.766.666)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2023	671.000.000.000	530.450.206	18.113.801.578	49.565.919.026	802.898.183.469	1.542.108.354.279

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

21.2 Cổ đông

	Ngày 30 tháng 6 năm 2023		
	Số lượng cổ phiếu	Giá trị (VND)	% sở hữu
Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư Hạ tầng Sotrans	56.625.000	566.250.000.000	84,39
Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam	6.000.000	60.000.000.000	8,94
Cổ đông khác	4.475.000	44.750.000.000	6,67
TỔNG CỘNG	67.100.000	671.000.000.000	100,00

21.3 Cổ phiếu

	Số cổ phiếu	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Số lượng cổ phiếu phổ thông được phép phát hành	67.100.000	67.100.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã được phát hành và góp vốn đầy đủ	67.100.000	67.100.000

Mệnh giá mỗi cổ phiếu đang lưu hành là 10.000 VND. Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

21.4 Lãi trên cổ phiếu

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (trình bày lại)
Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ (VND)	90.252.397.666	106.826.987.917
Trừ: Quỹ khen thưởng phúc lợi (VND) (i)	-	(1.116.221.377)
Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đồng sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	90.252.397.666	105.710.766.540
Số cổ phiếu bình quân lưu hành bình quân	67.100.000	67.100.000
Lãi trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)		
- Lãi cơ bản	1.345	1.575
- Lãi suy giảm	1.345	1.575

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

21.4 Lãi trên cổ phiếu (tiếp theo)

(i) Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 chưa được điều chỉnh giảm cho khoản trích quỹ khen thưởng, phúc lợi do chưa có Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông để trích lập quỹ từ nguồn lợi nhuận sau thuế cho kỳ này.

Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 đã được điều chỉnh giảm cho khoản trích quỹ khen thưởng, phúc lợi theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2023 Số 01/SWC/NQ-ĐHĐCĐ vào ngày 19 tháng 6 năm 2023.

Tổng Công ty không có cổ phiếu phổ thông suy giảm tiềm tàng vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

21.5 Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Nguồn vốn xây dựng cơ bản Cảng Long Bình	47.725.378.239	47.725.378.239
Quỹ sắp xếp cổ phần hóa	1.840.540.787	1.840.540.787
TỔNG CỘNG	49.565.919.026	49.565.919.026

21.6 Lợi ích cổ đông không kiểm soát

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
Vào ngày 31 tháng 12	6.318.608.138	6.027.567.987
Lợi nhuận thuần trong kỳ	140.026.292	55.451.156
Mua lại cổ phần của cổ đông không kiểm soát	(3.273.760.011)	-
Cổ tức đã trả	-	(219.716.400)
Chia quỹ khen thưởng phúc lợi	-	(55.400.000)
Vào ngày 30 tháng 6	3.184.874.419	5.807.902.743

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

22. DOANH THU

22.1 Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
Doanh thu cung cấp dịch vụ	347.614.769.644	389.587.416.476
Doanh thu xây dựng	36.740.849.370	998.054.004
Doanh thu bán hàng hóa	-	1.515.738.445
TỔNG CỘNG	384.355.619.014	392.101.208.925
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu đối với khách hàng khác</i>	317.425.436.647	362.718.981.165
<i>Doanh thu đối với các bên liên quan</i>	66.930.182.367	29.382.227.760

22.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
Cổ tức và lợi nhuận được chia	57.204.000.000	66.170.936.400
Lãi tiền gửi	6.851.748.044	3.901.731.728
TỔNG CỘNG	64.055.748.044	70.072.668.128

23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	269.107.996.154	284.201.032.523
Giá vốn xây dựng	35.617.784.163	881.672.754
Giá vốn của hàng hóa đã bán	-	1.287.979.500
TỔNG CỘNG	304.725.780.317	286.370.684.777

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>
Chi phí lãi vay	4.034.559.547	3.665.602.855
Lỗi chênh lệch tỷ giá	176.931.608	1.084.216.791
Chi phí tài chính khác	57.303.727	59.593.829
TỔNG CỘNG	<u>4.268.794.882</u>	<u>4.809.413.475</u>

25. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>
Chi phí nhân viên	4.520.226.579	5.098.955.748
Chi phí dịch vụ thuê ngoài	1.248.023.595	1.715.250.815
Chi phí khấu hao và hao mòn	257.137.926	257.137.926
Chi phí khác	3.313.317.748	3.818.307.920
TỔNG CỘNG	<u>9.338.705.848</u>	<u>10.889.652.409</u>

26. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>
Chi phí dịch vụ mua ngoài	196.091.108.815	176.760.004.862
Chi phí nhân viên	46.503.670.001	50.378.397.643
Chi phí khấu hao và hao mòn (TM số 10 và 11)	35.211.931.728	31.099.040.132
Chi phí nguyên liệu, nhiên liệu	25.320.647.014	31.533.994.914
Giá vốn hàng hóa đã bán	-	1.287.979.500
Chi phí khác	7.628.720.425	6.200.920.135
TỔNG CỘNG	<u>310.756.077.983</u>	<u>297.260.337.186</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty và các công ty con có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (“TNDN”) với thuế suất bằng 20% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty và các công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ có thể sẽ thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

27.1 Chi phí thuế TNDN

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
Chi phí thuế TNDN hiện hành	15.312.054.154	19.061.161.274
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	(709.991.357)	(58.416.745)
TỔNG CỘNG	14.602.062.797	19.002.744.529

Dưới đây là đối chiếu giữa chi phí thuế TNDN và kết quả của tổng lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	104.994.486.755	125.885.183.602
Thuế TNDN theo thuế suất 20%	20.998.897.351	25.177.036.720
<i>Các khoản điều chỉnh:</i>		
Lỗi thuần từ công ty liên kết trong kỳ	5.035.632.237	6.996.048.349
Các chi phí không được trừ	8.333.209	63.846.740
Thu nhập không chịu thuế TNDN	(11.440.800.000)	(13.234.187.280)
Chi phí thuế TNDN	14.602.062.797	19.002.744.529

27.2 Thuế thu TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty và các công ty con được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

27.3 Thuế thu nhập hoãn lại

Tổng Công ty đã ghi nhận các tài sản thuế TNDN hoãn lại cùng với biến động trong kỳ này và kỳ trước như sau:

	<i>Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ</i>		<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>
Lợi nhuận chưa thực hiện	746.795.706	-	746.795.706	-
Chênh lệch khấu hao	40.200.196	77.004.545	(36.804.349)	36.601.010
Các khoản dự phòng	(109.702.508)	(109.702.508)	-	21.815.735
TỔNG CỘNG	677.293.394	(32.697.963)	709.991.357	58.416.745
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại			709.991.357	58.416.745
<i>Trong đó:</i>				
<i>Tài sản thuế thu nhập hoãn lại</i>	746.795.706	-		
<i>Thuế thu nhập hoãn lại phải trả</i>	(69.502.312)	(32.697.963)		

28. CÁC NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan trong kỳ và tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>
Công ty Cổ phần Giao nhận và Vận chuyển Indo Trần	Công ty mẹ cao nhất
Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam	Chủ sở hữu của công ty mẹ
Công ty Liên Doanh Phát Triển Tiếp Vận Số 1	Công ty liên doanh
Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình và Thương mại 747	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Đường thủy Miền Nam	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai	Công ty liên kết
Công ty TNHH Một thành viên Sotrans Logistics	Công ty trong cùng Tập đoàn (*)
Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Vietranstimex	Công ty trong cùng Tập đoàn (*)
Công ty Cổ phần Cảng Miền Nam	Công ty trong cùng Tập đoàn (*)
Công ty TNHH MTV ITL Logistic Đà Nẵng	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ Phần ITL Logistics	Công ty trong cùng Tập đoàn
Ông Đặng Doãn Kiên	Chủ tịch HĐQT
Ông Trần Tuấn Anh	Thành viên HĐQT
Ông Đặng Vũ Thành	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
Ông Tô Hữu Hùng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Hải Anh	Phó Tổng Giám đốc

(*) Nhóm Công ty bao gồm Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam (chủ sở hữu của công ty mẹ) và các công ty con của công ty này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

28. CÁC NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với bên liên quan

Các nghiệp vụ với các công ty có liên quan bao gồm tất cả các nghiệp vụ được thực hiện với các công ty mà Tổng Công ty có mối liên kết thông qua quan hệ đầu tư, nhận đầu tư hoặc thông qua một nhà đầu tư chung và do đó sẽ là thành viên của cùng một công ty. Các nghiệp vụ bán hàng và mua hàng với bên liên quan được thực hiện dựa trên các điều khoản đã được thỏa thuận trong hợp đồng. Số dư các khoản phải thu, phải trả tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ không cần bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền.

Các giao dịch trọng yếu của Tổng Công ty với các bên liên quan trong giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 và 30 tháng 6 năm 2022 bao gồm:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>VND</i>	
		<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>
Công ty Liên doanh Phát triển Tiếp vận Số 1	Nhận cổ tức	45.954.000.000	51.171.000.000
	Cung cấp dịch vụ	28.215.532.705	26.988.884.203
	Sử dụng dịch vụ	206.290.189	250.943.543
	Bán hàng hóa	-	1.515.738.445
Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam	Sử dụng dịch vụ	31.966.630.974	28.803.885.204
	Mua nhiên liệu, vật liệu	645.773.181	20.851.011.039
Công ty TNHH MTV ITL Logistic Đà Nẵng	Cung cấp dịch vụ	19.777.257.103	-
	Nhận trả trước về cung cấp dịch vụ	-	35.337.167.095
Công ty Cổ phần Cảng Miền Nam	Sử dụng dịch vụ	16.686.202.187	-
Công ty Cổ Phần ITL Logistics	Cung cấp dịch vụ	12.645.195.414	-
Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai	Cổ tức được chia	11.250.000.000	15.000.000.000
	Cung cấp dịch vụ	9.990.905	-
Công ty Cổ phần Giao nhận và Vận chuyển Indo Trần	Cung cấp dịch vụ	3.786.285.028	20.563.625
Công ty TNHH Một thành viên Sotrans Logistics	Cung cấp dịch vụ	2.163.021.777	736.266.426
Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Vietranstimex	Cung cấp dịch vụ	331.656.945	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Đường thủy Miền Nam	Cung cấp dịch vụ	1.242.490	120.775.061

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

28. CÁC NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản phải thu và phải trả với bên liên quan như sau:

		VND	
<i>Bên liên quan</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022</i>
<i>Phải thu ngắn hạn của khách hàng (TM số 6.1)</i>			
Công ty TNHH MTV ITL Logistic Đà Nẵng	Cung cấp dịch vụ	27.004.655.858	5.249.676.345
VICT	Cung cấp dịch vụ	10.072.693.188	22.882.025.855
SOWATCO-ECO 747	Cung cấp dịch vụ	6.463.918.325	6.463.918.325
Công ty Cổ Phần ITL Logistics	Cung cấp dịch vụ	3.733.673.153	-
CTCP Vận tải Đa Phương Thức Vietranstimex	Cung cấp dịch vụ	220.000.000	-
Các bên liên quan khác	Cung cấp dịch vụ	770.308.947	765.122.017
		<u>48.265.249.471</u>	<u>35.360.742.542</u>
<i>Phải thu ngắn hạn khác (TM số 6.1)</i>			
VICT	Cổ tức	27.572.400.000	-
Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai	Cổ tức	11.250.000.000	-
		<u>38.822.400.000</u>	<u>-</u>
<i>Người mua trả tiền trước ngắn hạn (TM số 15)</i>			
Công ty Cổ phần Giao nhận và Vận chuyển Indo Trần	Sử dụng dịch vụ	3.019.436.954	-
Công ty TNHH Một thành viên Sotrans Logistics	Sử dụng dịch vụ	1.360.814.010	-
		<u>4.380.250.964</u>	<u>-</u>
<i>Phải thu dài hạn khác (TM số 8)</i>			
Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam	Đặt cọc	7.000.000.000	7.000.000.000
<i>Phải trả người bán ngắn hạn (TM số 14)</i>			
Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam	Sử dụng dịch vụ	14.040.444.922	9.627.063.286
Công ty Cổ phần Cảng Miền Nam	Sử dụng dịch vụ	5.012.374.700	-
VICT	Sử dụng dịch vụ	10.811.617	-
		<u>19.063.631.239</u>	<u>9.627.063.286</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

28. CÁC NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, và Ban Kiểm soát như sau:

Tên	Chức vụ	Thu nhập	
		Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
Ông Đặng Vũ Thành	Tổng Giám đốc kiêm Thành viên HĐQT	1.245.763.378	674.666.667
Ông Đặng Doãn Kiên	Chủ tịch HĐQT	607.829.222	588.828.785
Ông Trần Tuấn Anh	Thành viên HĐQT	474.263.378	459.063.029
Ông Tô Hữu Hùng	Phó Tổng Giám đốc	365.500.000	313.000.000
Ông Phạm Hải Anh	Phó Tổng Giám đốc	344.500.000	295.000.000
Ông Nguyễn Mai Khánh Trình	Trưởng Ban Kiểm soát (từ ngày 19 tháng 6 năm 2023)	2.933.333	-
Ông Nguyễn Đăng Trường	Thành viên Ban Kiểm soát (từ ngày 19 tháng 6 năm 2023)	1.833.333	-
Bà Trần Bảo Ngọc	Trưởng Ban Kiểm soát (đến ngày 1 tháng 8 năm 2022)	-	197.648.636
Bà Trịnh Thị Thơm	Thành viên Ban Kiểm soát (đến ngày 1 tháng 4 năm 2023)	15.000.000	154.707.196
Ông Hồ Sĩ Tuấn	Thành viên Ban Kiểm soát (đến ngày 1 tháng 3 năm 2022)	-	134.707.196
Bà Đinh Thị Phương Vy	Thành viên Ban Kiểm soát	114.147.249	6.833.333
TỔNG CỘNG		3.171.769.893	2.824.454.842

29. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Tổng Công ty hiện đang thuê đất và văn phòng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Đến 1 năm	3.365.932.570	2.256.084.137
Trên 1 - 5 năm	13.463.730.278	9.024.336.548
Trên 5 năm	80.782.381.669	55.274.061.357
TỔNG CỘNG	97.612.044.517	66.554.482.042

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

30. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN

Tổng Công ty lựa chọn các bộ phận theo lĩnh vực hoạt động là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và tỷ suất sinh lời của Tổng Công ty bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Tổng Công ty cung cấp. Các bộ phận theo khu vực địa lý là bộ phận báo cáo thứ yếu. Các hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Tổng Công ty cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh chiến lược cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ các thị trường khác nhau. Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty chủ yếu được tạo ra từ hoạt động cung cấp dịch vụ kho vận, giao nhận vận tải; cơ khí đóng tàu; xây dựng; xuất khẩu lao động; kinh doanh thương mại; và hoạt động đầu tư tài chính trong một khu vực địa lý là Việt Nam.

Tổng Công ty Cổ phần Đường sông Miền Nam

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

30. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tổng Công ty như sau:

	Kinh doanh thương mại	Cơ khí đóng tàu	Xây dựng	Xuất khẩu lao động	Dịch vụ kho vận, giao nhận vận tải	Hoạt động đầu tư tài chính	VND
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023							
Doanh thu bộ phận	-	131.656.945	36.740.849.370	1.824.905.514	345.658.207.185	38.589.137.146	422.944.756.160
Lợi nhuận bộ phận	-	-	1.123.065.207	452.727.014	78.054.046.476	36.060.398.363	115.690.237.060
<u>Đối chiếu:</u>							
Doanh thu không phân bổ							95.700.978
Lãi tiền gửi							6.851.748.044
Chi phí lãi vay							(4.034.559.547)
Chi phí không phân bổ							(13.608.639.780)
Lợi nhuận kế toán trước thuế							104.994.486.755
Các thông tin bộ phận khác							
Khấu hao	-	-	71.915.646	-	34.840.368.167	-	34.912.283.813
Dự phòng phải thu khó đòi	-	-	-	-	(84.142.886)	-	(84.142.886)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2023							
Tài sản bộ phận	-	16.466.945.119	36.639.842.607	-	1.051.717.705.518	559.328.877.560	1.664.153.370.804
<u>Đối chiếu:</u>							
Tài sản không phân bổ							148.060.302.138
Tổng tài sản							1.812.213.672.942
Nợ phải trả bộ phận	-	-	-	41.214.505.377	51.172.298.237	-	92.386.803.614
<u>Đối chiếu:</u>							
Nợ phải trả không phân bổ							174.533.640.630
Tổng nợ phải trả							266.920.444.244

Tổng Công ty Cổ phần Đường sông Miền Nam

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

30. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tổng Công ty như sau: (tiếp theo)

	Kinh doanh thương mại	Cơ khí đóng tàu	Xây dựng	Xuất khẩu lao động	Dịch vụ kho vận, giao nhận vận tải	Hoạt động đầu tư tài chính	VND Tổng cộng
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022							
Doanh thu bộ phận	1.515.738.445	-	998.054.004	2.661.351.047	386.926.065.429	34.822.114.237	426.923.323.162
Lợi nhuận bộ phận	227.758.945	-	116.381.250	917.286.101	104.469.097.852	34.856.297.509	140.586.821.657
<u>Đổi chiếu</u>							
Doanh thu không phân bổ							906.836.201
Lãi tiền gửi							3.901.731.728
Chi phí lãi vay							(3.665.602.855)
Chi phí không phân bổ							(15.844.603.129)
Lợi nhuận kế toán trước thuế							125.885.183.602
Các thông tin bộ phận khác							
Khấu hao	-	-	71.915.646	-	-	-	31.038.402.632
Dự phòng phải thu khó đòi	-	-	-	-	-	-	(180.915.773)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2022							
Tài sản bộ phận	-	10.146.287.881	4.578.971.711	-	897.685.989.707	573.129.207.756	1.485.540.457.055
<u>Đổi chiếu:</u>							
Tài sản không phân bổ							209.799.906.991
Tổng tài sản							1.695.340.364.046
Nợ phải trả bộ phận	-	-	-	60.027.461.467	68.584.821.400	-	128.612.282.867
<u>Đổi chiếu:</u>							
Nợ phải trả không phân bổ							199.437.129.715
Tổng nợ phải trả							328.049.412.582

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

31. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty.


Phạm Quang Minh
Người lập


Trịnh Văn Quý
Kế toán trưởng



Đặng Vũ Thành
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 18 tháng 8 năm 2023

HN